

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QTH_ TRỪ KHỎI KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: CĂN BẢN KINH TẾ VI MÔ
MÃ HỌC PHẦN : ECO - 151

ĐỢT HỌC 1
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 2

Ngày thi: 27/03/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	152337730	Hồ Công Tài		B16QTH1	7		6.5		8				9	8.3	Tầm pháp Ba		
2	162330654	Bùi Tuấn Anh		B16QTH1	0		0		0				8	4.4	Bất pháp Bất		
3	162330657	Nguyễn Tuấn Anh		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
4	162330673	Nguyễn Thành Chung		B16QTH1	6		5		7.5				8.5	7.7	Bất pháp Bất		
5	162330674	Nguyễn Anh Cương		B16QTH1	9		6.5		8.5				LP	0.0	Khăng		
6	162330676	Trương Văn Cường		B16QTH1	8		5		8.5				8	7.8	Bất pháp Tầm		
7	162330678	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		B16QTH1	7		8		0				LP	0.0	Khăng		
8	162330681	Phan Quốc Din		B16QTH1	10		8		8				LP	0.0	Khăng		
9	162330691	Phan Văn Đại		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
10	162330726	Trần Khải Hoàn		B16QTH1	10		7		8				8.5	8.4	Tầm pháp Bất		
11	162330741	Đặng Ngọc Khánh		B16QTH1	10		8		7.5				8.5	8.4	Tầm pháp Bất		
12	162330743	Lê Hồng Khánh		B16QTH1	9		0		0				LP	0.0	Khăng		
13	162330744	Lê Minh Khánh		B16QTH1	8		7.5		8				LP	0.0	Khăng		
14	162330759	Huỳnh Thị Thùy Linh		B16QTH1	7		7.5		0				LP	0.0	Khăng		
15	162330761	Ngô Lê Khánh Linh		B16QTH1	9		9		7.5				8	8.1	Tầm pháp Bất		
16	162330763	Phạm Thị Vy Linh		B16QTH1	5		7		0				LP	0.0	Khăng		
17	162330775	Châu Quốc Min		B16QTH1	6		8		0				LP	0.0	Khăng		
18	162330776	Lê Thị Hồng Minh		B16QTH1	10		8		8.5				LP	0.0	Khăng		
19	162330786	Nguyễn Thị Thanh Nga		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
20	162330792	Hồ Bảo Ngọc		B16QTH1	10		9		8				LP	0.0	Khăng		
21	162330820	Nguyễn Văn Quang		B16QTH1	9		4		8.5				8	7.8	Bất pháp Tầm		
22	162330821	Trần Đặng Lê Quang		B16QTH1	8		7		8				7.5	7.6	Bất pháp Bất		
23	162330822	Trần Đình Quang		B16QTH1	10		9		7				9	8.6	Tầm pháp Bất		
24	162330827	Võ Thành Quý		B16QTH1	8		6		7.5				7	7.1	Bất pháp Bất		
25	162330828	Hoàng Thị Mỹ Quyên		B16QTH1	9		7		7				8.5	8.0	Tầm		
26	162330838	Lê Chí Tâm		B16QTH1	10		6.5		8.5				9	8.7	Tầm pháp Bất		
27	162330841	Trần Anh Tâm		B16QTH1	6		7		8				LP	0.0	Khăng		
28	162330842	Trương Đình Tân		B16QTH1	10		7		7.5				8.5	8.3	Tầm pháp Ba		
29	162330847	Trịnh Công Thanh		B16QTH1	9		9		8				8	8.2	Tầm pháp Hai		
30	162330849	Võ Văn Thanh		B16QTH1	8		7		7				LP	0.0	Khăng		
31	162330853	Hà Đình Thảo		B16QTH1	10		7		7.5				LP	0.0	Khăng		
32	162330863	Dương Đình Thiện		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
33	162330884	Phạm Nguyên Tịnh		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
34	162330887	Hoàng Nguyễn Diệu Trang		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
35	162330891	Phạm Thị Huyền Trang		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
36	162330897	Nguyễn Minh Trí		B16QTH1	0		0		0				9	5.0	Nằm		
37	162330911	Nguyễn Hồ Hoàng Tuấn		B16QTH1	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
38	162330912	Phạm Minh Tuấn		B16QTH1	8		0		7				LP	0.0	Khăng		
39	162330913	Phan Anh Tuấn		B16QTH1	9		8		0				LP	0.0	Khăng		
40	162330915	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		B16QTH1	8		5		7.5				9.5	8.4	Tầm pháp Bất		

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	162330927	Nguyễn Quang	Vinh	B16QTH1	4		6		0				LP	0.0	Khăng		
42	162330934	Trần Doãn	Vượng	B16QTH1	7		5.5		0				LP	0.0	Khăng		
43	162310412	Nguyễn Thị Thanh	Sang	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
44	162320281	Vũ Thị Thanh	Huyền	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
45	162330656	Nguyễn Thị Kim	Anh	B16QTH2	10		7		8				8.5	8.4	Tâm pháp Bấu		
46	162330658	Phạm Thị Huyền	Anh	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
47	162330684	Hoàng Tiến	Dũng	B16QTH2	9		8.5		8.5				V	0.0	Khăng		
48	162330692	Nguyễn Duy	Đạt	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
49	162330697	Hoàng Minh	Đức	B16QTH2	10		8		8				8.5	8.5	Tâm pháp Nàm		
50	162330698	Nguyễn Quang	Đức	B16QTH2	10		5.5		7				9	8.3	Tâm pháp Ba		
51	162330723	Trần Văn	Hòa	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
52	162330724	Nguyễn Văn	Hoài	B16QTH2	10		4.5		8				8	7.9	Baý pháp Chên		
53	162330745	Nguyễn Thiện	Khiêm	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
54	162330755	Phan Đức	Lâm	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
55	162330773	Hồ Đức	Mạnh	B16QTH2	7		6		8				8.5	8.0	Tâm		
56	162330777	Lê Trọng	Minh	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
57	162330778	Phạm Văn	Minh	B16QTH2	7		6		7.5				8.5	7.9	Baý pháp Chên		
58	162330805	Trương Thị Trinh	Nữ	B16QTH2	9		6		0				LP	0.0	Khăng		
59	162330806	Lê Thị Kim	Oanh	B16QTH2	5		0		0				LP	0.0	Khăng		
60	162330837	Nguyễn Văn	Sơn	B16QTH2	10		6		7				8	7.8	Baý pháp Tâm		
61	162330843	Hồ Văn	Tây	B16QTH2	9		4.5		0				LP	0.0	Khăng		
62	162330850	Đặng Quốc	Thành	B16QTH2	10		5		8.5				LP	0.0	Khăng		
63	162330860	Hồ Thị	Thắm	B16QTH2	10		7		8.5				9	8.8	Tâm pháp Tâm		
64	162330878	Nguyễn Thị Thu	Thúy	B16QTH2	9		5.5		8.5				8	8.0	Tâm		
65	162330881	Nguyễn Thị Hồng	Thương	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
66	162330889	Nguyễn Thị Hoài	Trang	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
67	162330890	Nguyễn Thị Uyên	Trang	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
68	162330905	Hoàng Kim Anh	Tú	B16QTH2	5		2.5		0				LP	0.0	Khăng		
69	162330925	Nguyễn Thế Hoàng	Việt	B16QTH2	5		5.5		8				9	8.0	Tâm		
70	162330928	Phan Quang	Vĩnh	B16QTH2	5		7		0				LP	0.0	Khăng		
71	162330937	Trần Vương Ái	Vy	B16QTH2	9		9		0				LP	0.0	Khăng		
72	162330943	Nguyễn Thị	Yến	B16QTH2	0		0		0				LP	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	27	38%	
2	Số sinh viên nợ	45	63%	
TỔNG CỘNG :		72	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thi:		27/03/2011		LẦN THI										2		
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25				55	100			
Nguyễn Kim Đức		Phạm Hồng Phương		TS. Hồ Văn Nhân										ThS. Nguyễn Hữu Phú		